



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành SP Mỹ thuật - K.19 - Lớp 1 (DMI191)

Khoa: Nghệ thuật (NT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3119170001	Lê Ngọc Thảo	Hân	01/10/2001	72	Khá
2	3119170002	Bạch Hoàng Khánh	Nguyên	14/02/2001	70	Khá
3	3119170003	Lê Yến	Nhi	20/05/2000	67	Khá
4	3119170005	Bùi Thanh	Tuấn	19/02/2001	77	Khá

Tổng cộng danh sách này có 4 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 14 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	0	0,0
Khá	4	100,0
TB	0	0,0
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành SP Mỹ thuật - K.20 - Lớp 1 (DMI201)

Khoa: Nghệ thuật (NT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3120170001	Nguyễn Lê Quốc	Anh	20/02/2001	77	Khá
2	3120170002	Nguyễn Thanh	Bình	25/12/2002	69	Khá
3	3120170003	Nguyễn Ngọc Khánh	Đoan	22/08/2002	65	Khá
4	3120170004	Võ Thị Ngọc	My	14/11/2002	82	Tốt
5	3120170005	Danh Chí	Nhân	22/04/2002	78	Khá
6	3120170006	Lâm Thị Tuyết	Nhi	01/09/2002	56	Trung bình
7	3120170007	Hứa Ngọc Tâm	Như	05/03/2002	91	Xuất sắc
8	3120170008	Tê Rê Xa Sơ	Sil	30/03/2001	67	Khá
9	3120170009	Trần Ngọc Phương	Thy	27/03/1998	85	Tốt
10	3120170010	Nguyễn Thanh	Trang	27/05/2002	76	Khá

Tổng cộng danh sách này có 10 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	1	10,0
Tốt	2	20,0
Khá	6	60,0
TB	1	10,0
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

TP.HCM, Ngày 14 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành SP Mỹ thuật - K.21 - Lớp 1 (DMI211)

Khoa: Nghệ thuật (NT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121170003	Lê Hà Văn	Anh	08/04/2003	85	Tốt
2	3121170004	Mai Trọng	Ân	29/11/2003	80	Tốt
3	3121170005	Tạ Ngọc Minh	Châu	03/10/2003	71	Khá
4	3121170006	Đoàn Nguyễn Thùy	Duyên	04/04/2003	66	Khá
5	3121170001	Nguyễn Chinh	Đan	18/01/2003	80	Tốt
6	3121170007	Trương Thị Đức	Đạt	20/02/2003	67	Khá
7	3121170008	Phạm	Giản	02/09/2002	55	Trung bình
8	3121170009	Đoàn Văn	Hội	01/11/2003	70	Khá
9	3121170010	Hồ Thị Kim	Ngân	04/12/2003	82	Tốt
10	3121170011	Nguyễn Thị Kim	Ngân	08/03/2003	70	Khá
11	3121170013	Hoàng Trọng	Nghĩa	13/02/2003	77	Khá
12	3121170002	Nguyễn Hoàng Minh	Ngọc	27/12/2003	85	Tốt
13	3121170014	Dương Hạ Quỳnh	Nhi	23/05/2003	62	Trung bình
14	3121170015	Đoàn Thị Mỹ	Quyền	21/08/2003	81	Tốt
15	3121170016	Lê Hằng Diễm	Thanh	21/11/2003	59	Trung bình
16	3121170017	Lê Tường Hương	Thùy	02/04/2003	95	Xuất sắc
17	3121170018	Võ Thanh	Thư	17/06/2003	70	Khá
18	3121170019	Trần Huỳnh	Trâm	06/10/2001	62	Trung bình
19	3121170021	Lê Nguyễn Thảo	Trúc	06/10/2003	77	Khá
20	3121170022	Nguyễn Ngọc Lê	Uyên	23/11/2003	61	Trung bình
21	3121170023	Nguyễn Minh	Vạn	17/10/2003	52	Trung bình
22	3121170024	Lê Huỳnh Ngọc	Yến	05/05/2003	82	Tốt



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành SP Mỹ thuật - K.21 - Lớp 1 (DMI211)

Khoa: Nghệ thuật (NT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 22 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 14 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	1	4,5
Tốt	7	31,8
Khá	8	36,4
TB	6	27,3
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành SP Mỹ thuật - K.22 - Lớp 1 (DMI221)

Khoa: Nghệ thuật (NT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3122170001	Nguyễn Hạnh Thùy	Anh	18/02/2004	66	Khá
2	3122170002	Nguyễn Thị Kim	Anh	16/06/2003	70	Khá
3	3122170003	Phan Hoài	Bảo	01/02/2004	78	Khá
4	3122170004	Huỳnh Thị Phước	Duyên	19/02/2004	66	Khá
5	3122170005	Lê Thị Mỹ	Duyên	15/06/2004	46	Yếu
6	3122170006	Nguyễn Thành	Đạt	27/09/2004	69	Khá
7	3122170007	Nguyễn Tiến	Đạt	26/07/2004	65	Khá
8	3122170009	Trần Thị Diệu	Hòa	07/11/1988	51	Trung bình
9	3122170010	Nguyễn Ngô Cẩm	Khuê	25/08/2004	75	Khá
10	3122170011	Nguyễn Trần Hoàng	Lan	13/10/2004	68	Khá
11	3122170012	Hân Thùy	Linh	10/04/2004	69	Khá
12	3122170013	Huỳnh Thu	Minh	05/09/2004	69	Khá
13	3122170014	Phạm Ngọc Thanh	Ngân	07/01/2004	68	Khá
14	3122170015	Hồ Trọng	Nghĩa	16/08/2004	56	Trung bình
15	3122170016	Trần Trọng	Nghĩa	03/04/2004	71	Khá
16	3122170017	Nguyễn Phan Hồng	Ngọc	23/11/2003	69	Khá
17	3122170018	Lê Thanh	Nhã	20/01/2004	74	Khá
18	3122170019	Huỳnh Hạo	Nhiên	23/04/2002	68	Khá
19	3122170020	Phạm Thị Minh	Phượng	08/10/2004	74	Khá
20	3122170021	Phùng Cát	Quỳnh	21/09/2004	47	Yếu
21	3122170022	Vũ Hồng Thanh	Tâm	25/11/2003	48	Yếu
22	3122170023	Phạm Thị Bích	Thuận	09/06/2004	71	Khá
23	3122170024	Ngô Ngọc Thuỳ	Trang	01/02/2004	53	Trung bình
24	3122170025	Trần Cát	Tường	26/08/2004	67	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành SP Mỹ thuật - K.22 - Lớp 1 (DMI221)

Khoa: Nghệ thuật (NT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 24 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 14 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	0	0,0
Khá	18	75,0
TB	3	12,5
Yếu	3	12,5
Kém	0	0,0

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Thanh nhạc - K.19 - Lớp 1 (DNA1191)

Khoa: Nghệ thuật (NT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3119470001	Nhan Trâm	Anh	19/09/2001	54	Trung bình
2	3119470002	Nguyễn Ngọc	Ánh	30/06/2001	0	Kém
3	3119470006	Nguyễn Thị Tuyết	Minh	09/10/2001	71	Khá
4	3119470007	Trần Thị Thủy	Nguyên	24/03/2001	68	Khá
5	3119470008	Mai Ngọc Hồng	Tâm	09/06/2001	82	Tốt
6	3119470009	Võ Thị Huyền	Trang	25/10/2001	74	Khá

Tổng cộng danh sách này có 6 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	1	16,7
Khá	3	50,0
TB	1	16,7
Yếu	0	0,0
Kém	1	16,7

TP.HCM, Ngày 14 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Thanh nhạc - K.20 - Lớp 1 (DNA1201)

Khoa: Nghệ thuật (NT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3120470001	Hoàng Minh Thùy	Ái	16/02/1987	87	Tốt
2	3120470002	Cao Vĩnh	An	04/06/2002	68	Khá
3	3120470006	Nguyễn Phước Lộc	Thọ	06/06/2002	74	Khá
4	3120470008	Lê Khả	Tú	24/05/2002	82	Tốt
5	3120470009	Bùi Thị Thanh	Tuyền	04/11/1987	87	Tốt

Tổng cộng danh sách này có 5 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	3	60,0
Khá	2	40,0
TB	0	0,0
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

TP.HCM, Ngày 14 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Thanh nhạc - K.21 - Lớp 1 (DNA1211)

Khoa: Nghệ thuật (NT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121470002	Phan Lê Văn	Anh	22/08/2003	61	Trung bình
2	3121470004	Lư Ngọc	Hân	14/01/2003	0	Kém
3	3121470005	Lê Thúy	Hiền	07/11/2002	69	Khá
4	3121470006	Phạm Thị Thảo	Linh	20/06/2003	63	Trung bình
5	3121470008	Nguyễn Hữu Hoàng	Phúc	09/11/2003	50	Trung bình
6	3121470009	Văn Trọng	Tân	30/03/1997	58	Trung bình
7	3121470011	Võ Cẩm	Trúc	20/12/2003	61	Trung bình

Tổng cộng danh sách này có 7 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện
Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	0	0,0
Khá	1	14,3
TB	5	71,4
Yếu	0	0,0
Kém	1	14,3

TP.HCM, Ngày 14 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Thanh nhạc - K.22 - Lớp 1 (DNA1221)

Khoa: Nghệ thuật (NT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3122470001	Phạm Nguyễn Thái	Bình	08/01/2004	75	Khá
2	3122470002	Nguyễn Hữu	Hùng	06/02/2003	75	Khá
3	3122470003	Nguyễn Khánh	Linh	03/07/2004	41	Yếu
4	3122470004	Vũ Đình	Long	05/12/2004	61	Trung bình
5	3122470005	Bạch Hoàng Vân	Nhi	29/11/2004	65	Khá
6	3122470006	Phan Nguyễn Nam	Phương	18/06/2004	63	Trung bình
7	3122470007	Bùi Thị Linh	Thảo	24/11/1995	75	Khá
8	3122470008	Hoàng Thị Phương	Thảo	04/07/2004	71	Khá
9	3122470009	Phạm Nguyễn Uyên	Thư	09/04/2004	33	Kém

Tổng cộng danh sách này có 9 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 14 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	0	0,0
Khá	5	55,6
TB	2	22,2
Yếu	1	11,1
Kém	1	11,1

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành SP Âm nhạc - K.19 - Lớp 1 (DNH1191)

Khoa: Nghệ thuật (NT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3119160001	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	19/09/2001	68	Khá
2	3119160002	Nguyễn Xuân Ánh	Ánh	05/06/2001	65	Khá
3	3119160003	Võ Trần Kim	Chi	04/03/1998	88	Tốt
4	3119160004	Nguyễn Thị Kim	Hậu	08/03/2001	80	Tốt
5	3119160005	Nguyễn Thị Hồng	Hoa	22/08/2001	80	Tốt
6	3119160006	Trần Nguyễn Khánh	Hoàng	29/03/2001	67	Khá
7	3119160008	Nguyễn Đặng	Khang	10/02/2001	68	Khá
8	3119160009	Thái Nguyễn Lâm	Khanh	02/10/2001	68	Khá
9	3119160010	Lê Gia	Kiên	27/11/2000	65	Khá
10	3119160011	Nguyễn Hoàng Ái	My	07/04/2001	70	Khá
11	3119160012	Nguyễn Thị Ly	Na	10/10/2000	62	Trung bình
12	3119160013	Nguyễn Lê Hữu Phước	Nguyên	15/01/2001	62	Trung bình
13	3119160014	Lâm Trần Tổ	Nhã	02/10/2001	68	Khá
14	3119160015	Trịnh Thị Kim	Oanh	24/06/1997	69	Khá
15	3119160016	Nguyễn Tấn	Phát	14/02/2001	65	Khá
16	3119160017	Nguyễn Thị Ái	Phi	01/01/2001	60	Trung bình
17	3119160018	Đỗ Thị Minh	Phương	10/01/2001	68	Khá
18	3119160019	Lê Thị Mỹ	Phương	19/04/2001	62	Trung bình
19	3119160020	Nguyễn Phạm Minh	Phương	31/12/2001	68	Khá
20	3119160021	Cil K'	Suynh	11/10/1999	58	Trung bình
21	3119160022	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	04/02/2001	65	Khá
22	3119160023	Từ Khánh	Thi	01/09/2000	65	Khá
23	3119160024	Trương Thị	Thùy	26/04/2001	58	Trung bình
24	3119160025	Hoàng Ngọc Anh	Thư	30/08/2001	84	Tốt
25	3119160026	Hoàng Ngọc Nhã	Thy	21/11/2001	52	Trung bình
26	3119160027	Trần Đức	Trọng	09/06/2001	62	Trung bình
27	3119160029	Vũ Thảo	Uyên	06/08/2001	62	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành SP Âm nhạc - K.19 - Lớp 1 (DNH1191)

Khoa: Nghệ thuật (NT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 27 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 14 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	4	14,8
Khá	14	51,9
TB	9	33,3
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành SP Âm nhạc - K.20 - Lớp 1 (DNH1201)

Khoa: Nghệ thuật (NT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3120160001	Nguyễn Thị	Bảy	15/05/2002	63	Trung bình
2	3120160002	Hà Kiều	Diễm	18/12/2001	71	Khá
3	3120160003	Nguyễn Thị	Diệu	22/04/2002	75	Khá
4	3120160004	Nguyễn Hạ	Duyên	02/05/2002	63	Trung bình
5	3120160005	Nguyễn Thị Đình	Đình	07/11/2002	72	Khá
6	3120160006	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Hào	31/07/2001	70	Khá
7	3120160007	Trần Phước	Hiền	17/08/2002	58	Trung bình
8	3120160008	Cao Xuân	Hung	22/08/1998	68	Khá
9	3120160009	Lê Thừa	Khang	23/03/2002	60	Trung bình
10	3120160010	Trần Phạm Minh	Khoa	20/07/2002	73	Khá
11	3120160012	Bạch Mai	Linh	20/07/2002	71	Khá
12	3120160013	Nguyễn Thị Mai	Ly	05/08/2001	63	Trung bình
13	3120160014	Huỳnh Thị Kim	Ngân	15/12/2002	65	Khá
14	3120160015	Đặng Mỹ	Nhung	23/10/2001	76	Khá
15	3120160016	Võ Lê Hồng	Phúc	11/07/2002	76	Khá
16	3120160017	Qua Tiểu	Phụng	05/07/2002	78	Khá
17	3120160019	Trần Hoàng Thanh	Tâm	04/10/2002	75	Khá
18	3120160020	Nguyễn Dương Nhà	Thảo	06/12/1999	66	Khá
19	3120160021	Lê Mai Hạ	Thi	19/04/2002	65	Khá
20	3120160022	Lưu Hoàng Anh	Thư	21/01/2002	70	Khá
21	3120160023	Phạm Trúc Uyên	Thư	01/03/2002	70	Khá
22	3120160024	Trần Nhật Anh	Thư	15/08/2002	69	Khá
23	3120160025	Nguyễn Minh	Toàn	26/10/2002	55	Trung bình
24	3120160026	Nguyễn Ngọc Hải	Trang	05/10/2002	64	Trung bình
25	3120160027	Phạm Phương	Trang	01/11/2002	78	Khá
26	3120160028	Phạm Xuân Bảo	Trân	26/10/1999	73	Khá
27	3120160029	Huỳnh Công	Trứ	23/02/2001	82	Tốt
28	3120160030	Nguyễn Kim	Tuyến	03/10/1992	76	Khá
29	3120160031	Lý Dương Minh	Tuyệt	06/08/2002	74	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành SP Âm nhạc - K.20 - Lớp 1 (DNH1201)

Khoa: Nghệ thuật (NT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3120160032	Lý Hoàng Phương	Uyên	04/02/2002	73	Khá
31	3120160033	Ha	Uyn	18/02/2001	65	Khá
32	3120160035	Nguyễn Trần Xuân	Vy	28/05/2002	85	Tốt

Tổng cộng danh sách này có 32 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 14 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	2	6,3
Khá	23	71,9
TB	7	21,9
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành SP Âm nhạc - K.21 - Lớp 1 (DNH1211)

Khoa: Nghệ thuật (NT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121160003	Lê Hoàng Phương	Anh	08/01/1997	88	Tốt
2	3121160004	Nguyễn Trần Văn	Anh	01/01/2003	78	Khá
3	3121160005	Phạm Thị Ngọc	Anh	05/02/2003	71	Khá
4	3121160007	Nguyễn Thiên	Bảo	23/09/2003	66	Khá
5	3121160008	Nguyễn Duy	Chiến	12/02/2003	69	Khá
6	3121160009	Vũ Việt	Hiển	14/09/1998	65	Khá
7	3121160010	Vũ Ngọc Thuận	Hòa	24/07/2001	63	Trung bình
8	3121160011	Nguyễn Đức	Huỳnh	26/02/1990	0	Kém
9	3121160001	Đông Xuân Đăng	Khoa	18/03/2003	68	Khá
10	3121160012	Nguyễn Vũ Đăng	Khoa	15/05/2003	0	Kém
11	3121160013	Trương Cảnh Đăng	Khoa	02/01/2003	71	Khá
12	3121160032	-	Kru	01/01/2002	76	Khá
13	3120160011	Trương Thị	Lan	28/02/1999	61	Trung bình
14	3121160014	Nguyễn Thùy Gia	Linh	13/09/2003	70	Khá
15	3121160015	Đoàn Hoàng	Lộc	10/11/1995	95	Xuất sắc
16	3121160016	Trương Ngọc	Lợi	12/06/2002	68	Khá
17	3121160018	Lê Thị Hồng	Ngọc	01/01/2003	72	Khá
18	3121160019	Chu Văn	Nhung	20/10/1993	63	Trung bình
19	3121160022	Nguyễn Thị Thiên	Phúc	17/02/2003	63	Trung bình
20	3121160023	Trần Đặng Chi	Phương	05/01/2003	84	Tốt
21	3121160025	Đỗ Thanh	Thảo	18/04/2003	72	Khá
22	3121160026	Nguyễn Phương	Thảo	19/03/2003	73	Khá
23	3121160028	Đỗ Thị	Thương	28/02/1992	77	Khá
24	3121160029	Nguyễn Ngọc	Trâm	23/10/2003	71	Khá
25	3121160031	Lê Thị Hồng	Trúc	17/05/2002	71	Khá
26	3121160033	Phạm Quang	Văn	21/08/1975	75	Khá
27	3121160034	Vũ Đức Quang	Vinh	04/11/2003	67	Khá
28	3121160035	Lê Phạm Tường	Vy	26/11/2003	66	Khá
29	3121160002	Trương Vũ Ái	Vy	11/09/2003	61	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành SP Âm nhạc - K.21 - Lớp 1 (DNH1211)

Khoa: Nghệ thuật (NT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3121160036	Nguyễn Thị Phương Yên	24/01/2003	68	Khá

Tổng cộng danh sách này có 30 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 14 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	1	3,3
Tốt	2	6,7
Khá	20	66,7
TB	5	16,7
Yếu	0	0,0
Kém	2	6,7

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành SP Âm nhạc - K.22 - Lớp 1 (DNH1221)

Khoa: Nghệ thuật (NT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3122160001	Hoàng Thùy Phương	Anh	03/07/2004	67	Khá
2	3122160002	Trần Thiên	Ân	29/11/1987	62	Trung bình
3	3122160003	Vương Nguyễn Thiên	Ân	11/03/2004	73	Khá
4	3122160004	Hoàng Gia	Bảo	15/08/2004	60	Trung bình
5	3122160005	Huỳnh Dương	Dương	17/08/2004	100	Xuất sắc
6	3122160006	Trương Thị Quế	Dương	15/04/1995	77	Khá
7	3122160007	Nguyễn Trần	Đông	09/04/2004	65	Khá
8	3122160008	Lương Đoàn Thúy	Hằng	09/12/2004	72	Khá
9	3122160009	Đặng Ngọc	Hân	13/12/2004	73	Khá
10	3122160011	Bùi Quốc	Huy	20/10/2004	63	Trung bình
11	3122160012	Phạm Gia	Khiêm	29/07/2004	68	Khá
12	3122160013	Võ Nguyễn Minh	Kiệt	07/11/2004	82	Tốt
13	3122160014	Trần Ngân	My	13/05/2004	66	Khá
14	3122160015	Lê Trần Kiến	Nam	06/03/2004	68	Khá
15	3122160016	Phạm Lương Bảo	Ngọc	24/08/2004	66	Khá
16	3122160017	Bùi Cao Hải	Nguyên	08/03/2004	75	Khá
17	3122160018	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	10/11/2004	67	Khá
18	3122160019	Trương Quỳnh	Như	03/07/2004	74	Khá
19	3122160020	Nguyễn Mai	Phương	15/08/2004	94	Xuất sắc
20	3122160021	Trương Như	Quỳnh	03/07/2004	65	Khá
21	3122160022	Đoàn Thị Minh	Tâm	21/03/2003	67	Khá
22	3122160023	Nguyễn Ngô Quốc	Thái	25/01/2004	67	Khá
23	3122160024	Lê Hứa Hữu	Thành	02/11/2004	64	Trung bình
24	3122160025	Lê Thị Thanh	Thảo	08/01/2004	73	Khá
25	3122160026	Nguyễn Thành	Thơ	25/08/2004	70	Khá
26	3122160027	Đàm Minh	Thương	01/03/2003	84	Tốt
27	3122160028	Nguyễn Minh	Trí	15/11/2003	80	Tốt
28	3122160029	Nguyễn Minh	Trí	21/12/2004	66	Khá
29	3122160030	Nguyễn Long Thanh	Tú	27/01/2004	64	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành SP Âm nhạc - K.22 - Lớp 1 (DNH1221)

Khoa: Nghệ thuật (NT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3122160031	Nguyễn Trần Thiên Tú	21/07/2004	55	Trung bình
31	3122160032	Phạm Yên	01/10/1999	86	Tốt

Tổng cộng danh sách này có 31 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 14 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	2	6,5
Tốt	4	12,9
Khá	19	61,3
TB	6	19,4
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

TS. Võ Văn Thật